

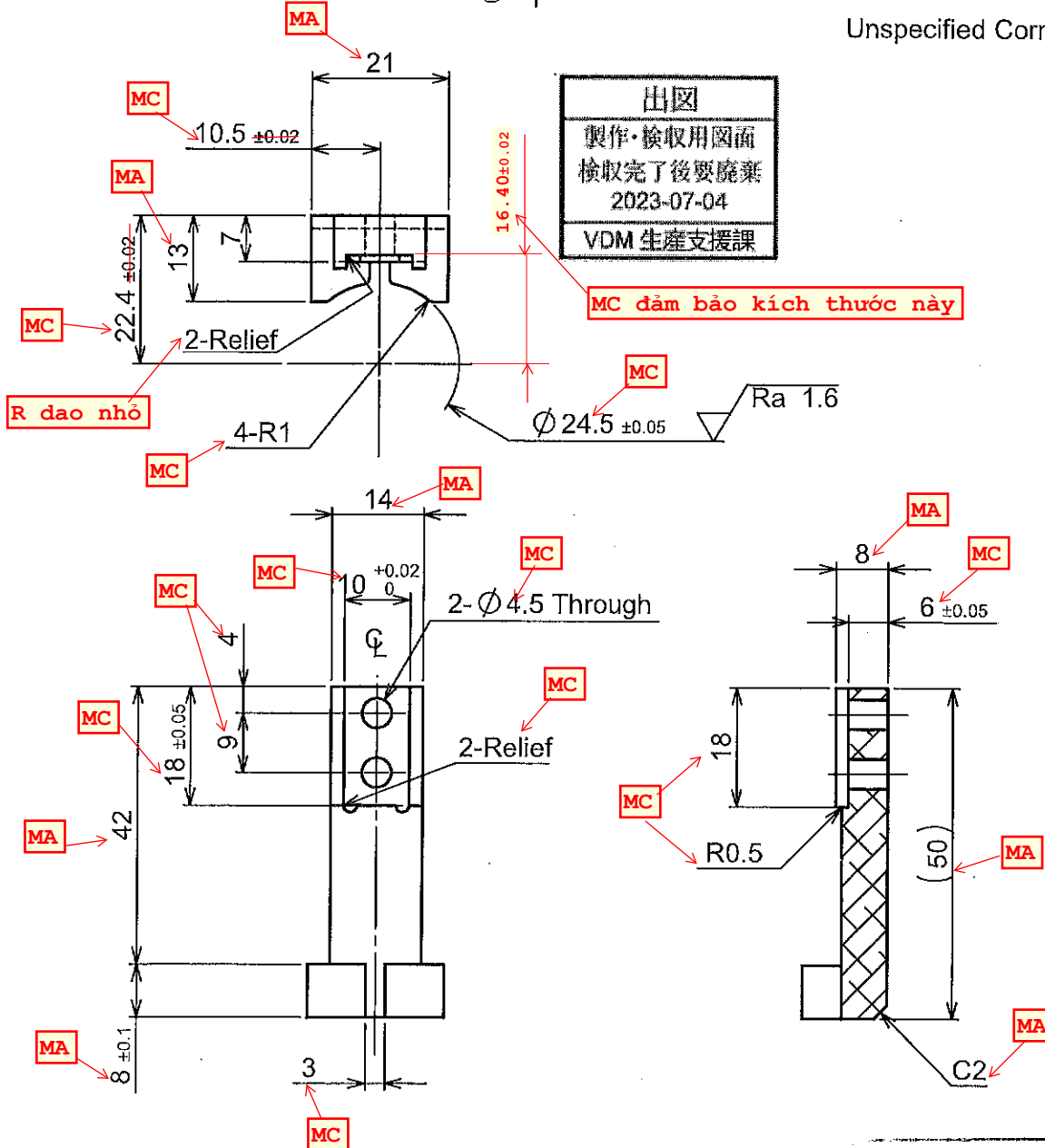
REV.	DATE	DESCRIPTION	REF.No.	DWN.	DSGND.	CHKD.	CUTTING TOLERANCE
init.	2022/12/22	New Production	VNMM-22-049	Le_Hong_Cu ang	Le_Dinh_Kha nh	Van_Xuan_Bi nh	0.5 ≤ , ≤ 6 ± 0.1
△							6 < , ≤ 30 ± 0.2
△							30 < , ≤ 120 ± 0.3
△							120 < , ≤ 400 ± 0.5

TOLERANCES NOT OTHERWISE SPECIFIED APPLIES JIS B 0405-m, JIS B 0410-k

FINISH MARKS

2B.306.618B 2f $\sqrt{Ra\ 3.2}$ $\sqrt{Ra\ 1.6}$

Unspecified Corner: C0.5



S CHUẨN

CHKD.	MATERIAL		TITLE	PARTS NAME
Le_Anh_Tuan	SKD11		部品図 PART DRAWING	チャック CHUCK
DSGND.	SURFACE	SCALE	部品圖 部品图	夾頭 夹头
Van_Xuan_Binh		1:1	DATE	DWG.No.
DWN.	QUENCH&TEMPER	SIZE	2022/12/22	R492399
Van_Xuan_Binh	HRC 58°~62°	A4		

SNO: **R492399**

SỐ PCS TỐI THIỂU/1 LẦN ĐẶT HÀNG:

NGƯỜI THIẾT LẬP: **10197**

DIỄN GIẢI	THỜI GIAN CHUẨN 1P
1.VẬT LIỆU: SKD11 T13*26*55	AA:20 MA:30 MC:90 HT:40 AF:10